

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 13/09/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29207558121	Trần Thị Quỳnh Anh	29/07/2005	Quảng Ngãi	32CHT3	8.0	4.1	Không Đạt	
2	28207354440	Nguyễn Thị Bình	12/06/2004	Bình Định	32CYC3	9.0	5.3	Đạt	
3	28207304827	Hứa Thị Phương Diễm	17/03/2004	Quảng Nam	32CBN3	V	V	Không Đạt	
4	28218151531	Phan Hoàng Đức	26/09/2004	Quảng Nam	32CYC3	8.3	5.5	Đạt	
5	28219401037	Huỳnh Trần Trung Dũng	09/03/2004	Bình Định	32CBN3	8.7	5.6	Đạt	
6	30212521299	Nguyễn Tấn Dũng	07/08/2006	Đà Nẵng	32TSC5	9.7	7.3	Đạt	
7	28217345183	Hoàng Tấn Duy	22/08/2004	Đà Nẵng	32TSC5	6.7	5.8	Đạt	
8	28217347688	Nguyễn Khánh Duy	14/06/2004	Đà Nẵng	32CBN3	7.3	5.3	Đạt	
9	28207402798	Đào Tuyết Kỳ Duyên	19/05/2004	Ninh Thuận	32TSC5	V	V	Không Đạt	
10	30204956139	Đỗ Thị Thùy Duyên	05/10/2006	Quảng Nam	32CYC3	7.7	7.0	Đạt	
11	27202244884	Phạm Thị Mỹ Duyên	07/10/2003	Quảng Nam	31CHT11	7.0	5.0	Đạt	
12	30207142856	Phan Thị Duyên	30/03/2006	Đà Nẵng	32CBN3	6.7	5.0	Đạt	
13	29206558409	Nguyễn Thị Kim Hà	06/03/2005	Quảng Nam	32TSC5	9.7	3.0	Không Đạt	
14	29204551854	Trần Thị Thu Hà	25/10/2005	Đà Nẵng	32TSC3	9.0	2.4	Không Đạt	
15	28202705514	Nguyễn Thị Hồng Hải	07/07/2004	Quảng Nam	32SBN4	9.0	8.5	Đạt	
16	28207303154	Phạm Nguyễn Thảo Hân	13/04/2004	Bình Định	32CBN3	9.7	9.0	Đạt	
17	28202700889	Nguyễn Lê Thu Hằng	30/03/2004	Thừa Thiên H	32SBN4	10.0	6.9	Đạt	
18	30204963902	Nguyễn Thị Thanh Hằng	16/11/2006	Quảng Nam	32CBN3	9.0	6.4	Đạt	
19	28217451721	Lê Công Hào	09/06/2004	Đà Nẵng	32TSC5	V	V	Không Đạt	
20	27202247215	Lương Thị Kim Hiếu	20/03/2003	Quảng Ngãi	30THT10	6.3	4.1	Không Đạt	
21	28207202210	Nguyễn Lê Phương Hoa	05/05/2004	Phú Yên	32CYC3	8.0	8.0	Đạt	
22	29215053894	Đặng Trịnh Huy Hoàng	03/10/2005	Đắk Lắk	32TSC5	9.7	5.5	Đạt	
23	28212200957	Nguyễn Vũ Hoàng	17/01/2004	Quảng Nam	32CYC3	7.0	5.8	Đạt	
24	28217347206	Trần Châu Minh Hoàng	28/09/2004	Kiên Giang	32TSC5	7.0	6.5	Đạt	
25	30205064204	Trịnh Thị Bích Hợp	27/01/2006	Quảng Nam	32CBN3	8.0	6.0	Đạt	
26	28217252023	Nguyễn Huy Hưng	21/10/2004	Hà Tĩnh	32TSC5	6.7	6.1	Đạt	
27	28206801174	Nguyễn Ngọc Hương	14/07/2003	Đà Nẵng	32TSC5	9.7	8.5	Đạt	
28	28207452556	Trần Sông Hương	30/01/2003	Đồng Nai	32TSC5	9.7	5.0	Đạt	
29	27215333328	Nguyễn Mạnh Huy	01/11/2003	Nghệ An	32TSC5	V	V	Không Đạt	
30	28207447648	Lê Thị Thanh Huyền	02/05/2004	Lâm Đồng	32TSC5	9.7	5.3	Đạt	
31	28206203126	Phan Võ Khánh Huyền	16/02/2004	Quảng Bình	31CHT10	7.0	2.6	Không Đạt	
32	27215351801	Nguyễn Tiến Khải	19/10/2003	Phú Yên	32CYC3	8.3	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28202700822	Nguyễn Thị Thu	Kiều	17/09/2004	Quảng Trị	32TSC5	9.3	5.0	Đạt	
34	28207332888	Thái Bảo	Linh	23/04/2004	Khánh Hòa	32TSC5	9.7	9.5	Đạt	
35	28207301997	Trần Khánh	Linh	21/08/2004	Gia Lai	32CBN3	10.0	4.1	Không Đạt	
36	28212248299	Lê Vũ	Long	31/01/2004	Gia Lai	32CYC3	6.7	6.5	Đạt	
37	27205426885	Cao Thị Ly	Ly	23/07/2002	Quảng Ngãi	32TSC5	6.7	5.3	Đạt	
38	28202706783	Dương Thị Ly	Ly	27/08/2004	Quảng Nam	32SBN4	8.3	6.9	Đạt	
39	29204849520	Nguyễn Trần Quỳnh	My	31/07/2005	Quảng Ngãi	32CHT3	V	V	Không Đạt	
40	27203124773	Trần Bùi Trà	My	17/01/2003	Quảng Ngãi	29CBN4	4.3	3.1	Không Đạt	
41	28212304608	Nguyễn Bá Trung	Nam	24/02/2004	Thái Bình	32TSC5	8.0	8.3	Đạt	
42	28204934334	Trần Hiếu	Ngân	19/06/2003	Quảng Bình	32TSC5	9.7	5.0	Đạt	
43	28207354764	Lê Thị Bích	Ngọc	04/01/2005	Thanh Hóa	32TSC5	8.7	7.6	Đạt	
44	26207130903	Trần Thị Như	Ngọc	11/09/2002	Đà Nẵng	32TSC3	7.0	5.0	Đạt	
45	28207452607	Nguyễn Mai	Nguyên	15/05/2003	Gia Lai	32TSC5	V	V	Không Đạt	
46	29219020052	Phạm Văn	Nhật	03/09/2005	Quảng Nam	32TSC5	7.7	5.0	Đạt	
47	29209530212	Phạm Thị Yến	Nhi	15/09/2005	Quảng Nam	32TSC5	8.0	3.6	Không Đạt	
48	30206754965	Trần Thị Quỳnh	Như	24/08/2006	Quảng Nam	32CBN3	8.3	3.9	Không Đạt	
49	30206229765	Phạm Thị	Nhung	25/10/2006	Quảng Ngãi	32CYC3	6.3	3.1	Không Đạt	
50	28212204195	Nguyễn Nhật	Phi	25/04/2004	Kon Tum	32CYC3	6.3	3.6	Không Đạt	
51	28219405077	Đoàn Tấn	Quốc	20/10/2004	Quảng Nam	32CYC3	8.7	5.9	Đạt	
52	29208149783	Trịnh Thị Bình	Quy	30/11/2005	Quảng Bình	32TSC5	9.0	5.3	Đạt	
53	31204159091	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	13/10/2007	Gia Lai	32TSC5	10.0	9.0	Đạt	
54	28204841034	Trần Bảo	Quỳnh	31/05/2004	Quảng Nam	32CBN3	8.3	3.5	Không Đạt	
55	28212201573	Trần Chí	Sang	11/06/2004	Bình Định	32CYC3	6.3	5.3	Đạt	
56	28214741629	Trần Thiện	Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	2.7	5.0	Không Đạt	
57	28212251427	Đỗ Ngọc	Thanh	11/10/2004	Quảng Ngãi	32CYC3	4.0	5.0	Không Đạt	
58	29211355626	Hồ Công	Thịnh	16/10/2005	Đà Nẵng	32CBN2	8.3		Không Đạt	
59	28212933304	Trần Hữu	Thịnh	09/07/2004	Đà Nẵng	32TSC5	7.0	6.3	Đạt	
60	28212205063	Phan Đức	Thọ	16/06/2004	Đà Nẵng	32CYC3	7.0	5.0	Đạt	
61	28212345428	Lê Minh	Thông	20/04/2004	Quảng Nam	32CYC3	7.7	6.0	Đạt	
62	28202701154	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	15/12/2004	Đà Nẵng	32TSC5	9.7	9.0	Đạt	
63	28207354469	Trần Ngọc Quỳnh	Thương	24/09/2004	Quảng Ngãi	32CBN3	9.7	5.3	Đạt	
64	27205352342	Phạm Thị	Thùy	26/04/2003	Lâm Đồng	31CHT4	8.3	5.3	Đạt	
65	30214655822	Dương Đình Nhật	Tiến	17/01/2006	Quảng Trị	32CYC3	5.7	5.8	Đạt	
66	28212301873	Cao Quốc	Toàn	07/01/2004	Đắk Lắk	32CHT2	7.7	3.5	Không Đạt	
67	27215354169	Nguyễn Thu	Trà	12/08/2003	Hà Nội	32CBN3	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28207445783	Ngô Thị Bảo	Trâm	20/01/2004	Quảng Nam	32CBN3	10.0	9.0	Đạt	
69	30206554802	Phạm Thị Ngọc	Trâm	06/11/2006	Quảng Trị	32CBN3	8.7	5.0	Đạt	
70	29204920950	Nguyễn Thị Vân	Trang	22/05/2005	Quảng Trị	32CSC1	6.0	7.3	Đạt	
71	28211150934	Hồ Xuân	Trung	01/05/2004	Đà Nẵng	32SBN2	8.3	5.3	Đạt	
72	28217348255	Phạm Hoàng	Trung	14/09/2003	Quảng Nam	32CYC3	7.7	9.3	Đạt	
73	30215056236	Trần Quốc	Tuấn	01/04/2006	Quảng Bình	32CYC3	8.7	9.3	Đạt	
74	28208152626	Nguyễn Thị	Tuyến	25/08/2004	Thanh Hoá	32TBN1	7.7	2.6	Không Đạt	
75	30205060693	Lê Hà	Uyên	17/10/2006	Quảng Nam	32CBN3	9.7	7.1	Đạt	
76	28207348156	Đoàn Thị Thanh	Vân	19/03/2004	Lâm Đồng	32CYC3	7.0	8.8	Đạt	
77	30206554837	Lê Nguyễn Thảo	Vân	03/07/2006	Đà Nẵng	32CBN3	8.3	5.5	Đạt	
78	28204643433	Ngô Thị Bích	Vân	11/11/2004	Kon Tum	32CYC2	7.3	3.1	Không Đạt	
79	29206563300	Đặng Huỳnh Diệu	Vũ	15/08/2004	Đà Nẵng	32CYC3	V	V	Không Đạt	
80	30202754271	Lương Phương	Vy	02/05/2006	Đà Nẵng	32CYC3	5.0	3.5	Không Đạt	
81	30204355574	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	17/02/2006	Đà Nẵng	32CBN3	8.7	5.0	Đạt	
82	29204956855	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	13/08/2005	Quảng Nam	32TSC5	9.3	5.0	Đạt	
83	29209552066	Nguyễn Thị Thảo	Vy	29/04/2005	Đà Nẵng	32TSC5	9.3	6.0	Đạt	
84	28207305422	Trương Lê Khánh	Vy	15/03/2004	Đà Nẵng	32CBN3	9.3	9.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh